

Số: 75/2025/CBTT-HHV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 10 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**
 - Mã chứng khoán: **HHV**
 - Địa chỉ trụ sở chính: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
 - Điện thoại liên hệ: 0236 3730 574 Fax: 0236 3842 713
 - E-mail: info@hhv.com.vn Website: hhv.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả trân trọng công bố Báo cáo tài chính riêng tự lập Quý III năm 2025 kết thúc vào ngày 30/9/2025 của Công ty.

(Chi tiết theo toàn văn Báo cáo tài chính đính kèm)

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/10/2025 tại đường dẫn: [http://www.hhv.com.vn/báo cáo tài chính/2025](http://www.hhv.com.vn/báo%20cáo%20tài%20chính/2025)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính riêng Quý III năm 2025 kết thúc ngày 30/9/2025.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

Người được ủy quyền CBTT

Kế toán trưởng



Lê Công Nghĩa

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG
GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

**Báo cáo tài chính riêng
Cho Quý 3 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2025**



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 – 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	
Bảng cân đối kế toán riêng	07 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	11 – 12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	13 – 14
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	15 – 87



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho Quý 3 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2025.

CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101965 do Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng) cấp lần đầu ngày 24/06/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 37 ngày 11/08/2025.

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết theo Quyết định số 717/QĐ-SGDHCM ngày 23/12/2021 và chính thức giao dịch ngày 20/01/2022 tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán HHV. Số lượng chứng khoán niêm yết tại ngày 30/09/2025 là 497.433.003 cổ phiếu.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/09/2025 là:

4.974.330.030.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: hoạt động thu phí, thu cước đường bộ, quản lý khai thác, bảo trì, duy tu bảo dưỡng các công trình hầm đường bộ, đường cao tốc, các tuyến quốc lộ và các công trình hạ tầng giao thông khác, đảm bảo giao thông khi có thiên tai dịch họa xảy ra trên địa bàn được giao, trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, không bao gồm: các loại hình dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép cung ứng theo quy định của pháp luật (Mã ngành: 5225); vận tải hành khách đường bộ khác: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định gồm: chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua các hầm đường bộ, đường cao tốc bằng phương tiện chuyên dùng; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, không bao gồm: các loại hình dịch vụ vận tải hành khách đường bộ khác mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép cung ứng theo quy định của pháp luật (Mã ngành: 4932); vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (Mã ngành: 4933, 5221); bốc xếp hàng hóa (Mã ngành: 5224); xây dựng nhà các loại (Mã ngành: 4101, 4102); xây dựng công trình đường sắt, công trình đường bộ, công trình điện, công trình cấp, thoát nước, công trình viễn thông, thông tin liên lạc, công trình thủy, công trình khai khoáng, công trình chế biến, chế tạo, công trình công ích khác và công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4211, 4212, 4221, 4222, 4223, 4229, 4291, 4292, 4293, 4299); phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành: 4311, 4312); khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và khai khoáng khác (Mã ngành: 0810, 0899);

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

3. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

In ấn và dịch vụ liên quan đến in (Mã ngành: 1811, 1812); sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, đồ gỗ xây dựng, sản phẩm dầu mỏ tinh chế, plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh, vật liệu xây dựng từ đất sét, bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao, sản xuất điện, sản phẩm điện tử dân dụng, các cấu kiện kim loại, các sản phẩm khác bằng kim loại và sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 1104, 1622, 1920, 2013, 2392, 2395, 2511, 2599, 3511, 2640, 3290); gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (Mã ngành: 2592);

Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện, các sản phẩm kim loại đúc sẵn và thiết bị khác (Mã ngành: 3311, 3312, 3314, 3319); lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí và hệ thống xây dựng khác (Mã ngành: 3320, 4321, 4322, 4329); hoàn thiện công trình xây dựng và hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Mã ngành: 4330, 4390); bán buôn, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, bán lẻ ô tô con (Mã ngành: 4511, 4512, 4520); bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; kim loại và quặng kim loại, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn bán lẻ chuyên doanh khác (Mã ngành: 4651, 4652, 4659, 4662, 4663, 4669, 4773); dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Mã ngành: 5510); nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành: 5610); hoạt động chiếu phim và viễn thông khác (Mã ngành: 5914, 6190); lập trình, tư vấn, quản trị hệ thống, hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (Mã ngành: 6201, 6202, 6209); cổng thông tin, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Mã ngành: 6311, 6312); kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810); hoạt động kiến trúc, tư vấn quản lý và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Mã ngành: 7020, 7110); kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Mã ngành: 7120);

Quảng cáo (Mã ngành: 7310); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 7490); cho thuê xe có động cơ, máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Mã ngành: 7710, 7730); cung ứng và quản lý nguồn lao động, lao động tạm thời (Mã ngành: 7820, 7830); hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Mã ngành: 7810); dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Mã ngành: 7990); dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn (Mã ngành: 8020); dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (Mã ngành: 8110); vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (Mã ngành: 8129); dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp, photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (Mã ngành: 8211, 8219); hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi (Mã ngành: 8220); tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Mã ngành: 8230); hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8299); đào tạo sơ cấp (Mã ngành: 8531); đào tạo trung cấp (Mã ngành: 8532); đào tạo cao đẳng (Mã ngành: 8533); giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8559); dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Mã ngành: 8560); hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8699); hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Mã ngành: 9000).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ Hạ tầng Giao thông Đèo Cả

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Vốn đầu tư (VND)
Công ty con: 03 Công ty			
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	65,04%	65,04%	1.164.824.390.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	74,24%	74,24%	1.747.617.650.000
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,37%	99,37%	294.455.000.000
Công ty liên doanh, liên kết: 04 Công ty			
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	38,00%	38,00%	391.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,42%	50,00%	122.000.000.000
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	31,60%	31,60%	33.180.000.000
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	42,31%	40,00%	108.505.200.000

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Thi công Xây lắp Công trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí Nghiệp Sản xuất Dịch vụ Thương mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí Nghiệp Quản lý, Vận hành Hầm Đường bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí Nghiệp Quản lý, Vận hành Hầm Đường bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, xã Hòa Xuân, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạnh, xã Xuân Lộc, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Km 81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Ấp Tân Phong, xã Tân Phú, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Xí Nghiệp Quản lý, Vận hành đường cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Thôn Lương Cang 2, phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Xí Nghiệp Quản lý, Vận hành đường cao tốc Tam Điệp - Diên Châu	Thôn Thọ Lộc, xã Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành đường cao tốc Vũng Áng - Bùn	Thôn Lạc Thắng, xã Kỳ Lạc, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hà Nội	278 Thụy Khuê, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh	32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 09 năm 2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ngày 01/10/2025, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả ban hành Nghị quyết số 46/2025/NQ-HĐQT và Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐQT thông qua nội dung chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2025. Số lượng cổ phiếu dự kiến sau phát hành thêm thành công là 547.176.303 cổ phiếu. Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành thành công là 5.471.763.030.000 đồng

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định ngoài các sự kiện nêu trên, Công ty không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 09 năm 2025 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch	31/05/2024	
Ông Nguyễn Tấn Đông	Phó Chủ tịch	31/05/2024	
Ông Nguyễn Hữu Hùng	Phó Chủ tịch	31/05/2024	
Ông Võ Thụy Linh	Thành viên	31/05/2024	
Ông Trần Chung	Thành viên	31/05/2024	
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	31/05/2024	
Ông Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập	31/05/2024	
Ông Hồ Quang Lợi	Thành viên độc lập	31/05/2024	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21/12/2020	16/05/2025
Ông Ngô Trường Nam	Phó TGD thường trực	01/10/2024	16/05/2025
	Tổng Giám đốc	16/05/2025	
Ông Trần Văn Chí	Phó Tổng Giám đốc	14/02/2022	
Ông Võ Ngọc Trung	Phó Tổng Giám đốc	10/12/2020	
Ông Trần Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	14/01/2021	
Bà Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng Giám đốc	30/03/2021	
Ông Lê Châu Thắng	Phó Tổng Giám đốc	14/02/2022	
Ông Nguyễn Lê Bách	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2024	
Ông Nguyễn Văn Ân	Phó Tổng Giám đốc	07/06/2025	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Giang	Trưởng ban	31/05/2024	
Bà Cam Thị Minh Hải	Kiểm soát viên	23/05/2025	
Bà Phan Thị Mai	Kiểm soát viên	26/04/2021	

Đại diện theo pháp luật:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21/12/2020	20/05/2025
Ông Ngô Trường Nam	Tổng Giám đốc	20/05/2025	

Kế toán trưởng:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Ân		17/06/2020	06/06/2025
Ông Lê Công Nghĩa		06/06/2025	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ báo cáo Quý 3 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2025. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng này.
- Lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả phê duyệt Báo cáo tài chính riêng cho Quý 3 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2025 của Công ty.

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 10 năm 2025
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám Đốc



NGÔ TRƯỜNG NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.09.2025 VND	01.01.2025 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.871.658.353.675	1.561.076.832.191
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	309.129.773.087	179.496.085.146
111	Tiền		261.711.536.991	129.459.625.245
112	Các khoản tương đương tiền		47.418.236.096	50.036.459.901
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		8.293.866.330	6.432.529.990
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	8.293.866.330	6.432.529.990
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		1.383.438.073.812	1.306.050.205.664
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3a	1.095.203.617.307	1.083.082.995.991
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4a	53.850.412.803	28.574.500.783
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	7.000.000.000	6.000.000.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	240.594.590.433	201.603.255.621
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(13.210.546.731)	(13.210.546.731)
140	Hàng tồn kho		164.909.082.921	67.714.934.630
141	Hàng tồn kho	V.8	164.909.082.921	67.714.934.630
150	Tài sản ngắn hạn khác		5.887.557.525	1.383.076.761
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	2.108.874.927	1.383.076.761
152	Thuế GTGT được khấu trừ		3.778.682.598	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.09.2025 VND	01.01.2025 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		5.041.482.059.444	4.613.426.535.437
210	Các khoản phải thu dài hạn		824.841.704.721	617.182.836.267
211	Phải thu dài hạn của khách hàng	V.3b	3.094.427.531	3.094.427.531
212	Trả trước cho người bán dài hạn	V.4b	209.535.489.167	100.000.000.000
216	Phải thu dài hạn khác	V.6b	612.211.788.023	514.088.408.736
220	Tài sản cố định		197.005.086.898	147.423.843.328
221	Tài sản cố định hữu hình	V.10	167.176.802.765	133.002.699.248
222	Nguyên giá		286.646.828.123	239.026.871.787
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(119.470.025.358)	(106.024.172.539)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	V.11	29.804.450.811	14.075.260.603
225	Nguyên giá		35.450.969.684	17.714.776.374
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(5.646.518.873)	(3.639.515.771)
227	Tài sản cố định vô hình	V.12	23.833.322	345.883.477
228	Nguyên giá		100.000.000	476.603.041
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(76.166.678)	(130.719.564)
240	Tài sản dở dang dài hạn		28.492.750.034	11.075.924.963
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	28.492.750.034	11.075.924.963
250	Đầu tư tài chính dài hạn		3.989.482.240.000	3.835.301.040.000
251	Đầu tư vào công ty con	V.2b	3.206.897.040.000	3.126.897.040.000
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.2b	655.085.200.000	578.904.000.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.2c	127.500.000.000	127.500.000.000
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	-	2.000.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		1.660.277.791	2.442.890.879
261	Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	1.660.277.791	2.442.890.879
270	TỔNG TÀI SẢN		6.913.140.413.119	6.174.503.367.628

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.09.2025 VND	01.01.2025 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		1.595.061.778.353	1.443.162.061.570
310	Nợ ngắn hạn		1.309.841.557.327	1.171.339.486.843
311	Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	266.795.209.676	208.778.760.864
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15a	4.962.890.549	4.719.425.163
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	V.16	39.017.443.831	73.207.185.172
314	Phải trả người lao động	V.17	16.796.007.437	22.384.273.646
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	V.18	35.314.892.107	128.925.836.049
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.19a	1.100.000.000	1.100.000.000
319	Phải trả ngắn hạn khác	V.20	507.162.393.447	516.083.793.585
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.21a	432.613.545.465	210.037.037.549
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.079.174.815	6.103.174.815
330	Nợ dài hạn		285.220.221.026	271.822.574.727
332	Người mua trả tiền trước dài hạn	V.15b	240.656.089.082	232.651.836.038
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.19b	5.813.808.371	6.649.932.236
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.21b	38.750.323.573	32.520.806.453

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B01-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNGTại ngày 30 tháng 09 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.09.2025 VND	01.01.2025 VND
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.318.078.634.766	4.731.341.306.058
410	Vốn chủ sở hữu	V.22	5.318.078.634.766	4.731.341.306.058
411	Vốn góp của chủ sở hữu		4.974.330.030.000	4.322.555.280.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.974.330.030.000	4.322.555.280.000
412	Thặng dư vốn cổ phần		6.079.662.000	6.079.662.000
418	Quỹ đầu tư phát triển		15.561.628.379	8.822.456.079
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	1.739.172.300
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối		322.107.314.387	392.144.735.679
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		150.369.985.679	196.601.568.888
421b	- LNST chưa phân phối của kỳ/năm nay		171.737.328.708	195.543.166.791
440	TỔNG NGUỒN VỐN		<u>6.913.140.413.119</u>	<u>6.174.503.367.628</u>

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 10 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

LÊ CÔNG NGHĨA



NGUYỄN TRƯỜNG NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho Quý 3 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2025

Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Kỳ 09 tháng kết thúc ngày		
		2025 VND	2024 VND	30.09.2025 VND	30.09.2024 VND	
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	448.535.918.786	398.038.189.259	1.243.322.631.435	1.094.093.185.900
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	448.535.918.786	398.038.189.259	1.243.322.631.435	1.094.093.185.900
11	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	VI.2	385.447.526.633	343.002.345.251	1.040.178.222.416	918.402.572.867
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		63.088.392.153	55.035.844.008	203.144.409.019	175.690.613.033
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	25.168.123.013	13.635.020.256	60.911.892.214	30.012.534.786
22	Chi phí tài chính	VI.4	7.890.412.540	4.660.098.508	18.873.108.307	13.662.081.592
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		7.890.412.540	4.660.098.508	18.873.108.307	13.662.081.592
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	12.629.554.737	9.671.957.590	36.610.835.431	33.144.470.914
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		67.736.547.889	54.338.808.166	208.572.357.495	158.896.595.313
31	Thu nhập khác	VI.6	3.742.697.883	250.579.954	3.837.695.888	255.368.219
32	Chi phí khác	VI.7	26.163.642	70.490.536	386.680.549	924.804.819
40	Lợi nhuận/(lỗ) khác		3.716.534.241	180.089.418	3.451.015.339	(669.436.600)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		71.453.082.130	54.518.897.584	212.023.372.834	158.227.158.713

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

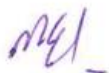
B02-DN

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho Quý 3 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Kỳ 09 tháng kết thúc ngày		
		2025 VND	2024 VND	30.09.2025 VND	30.09.2024 VND	
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành	VI.9	12.129.424.535	10.997.779.672	38.789.237.674	33.444.514.657
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại					
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		59.323.657.595	43.521.117.912	173.234.135.160	124.782.644.056

Người lập biểu



HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

Kế toán trưởng


LÊ CÔNG NGHĨA

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 10 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc


NGÔ TRƯỜNG NAM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho Quý 3 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2025

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 09 tháng kết thúc ngày	
		30.09.2025 VND	30.09.2024 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	212.023.372.834	158.227.158.713
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	17.573.818.310	15.645.400.160
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(64.642.739.683)	(30.259.759.901)
06	Chi phí lãi vay	18.873.108.307	13.662.081.592
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	183.827.559.768	157.274.880.564
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(250.689.244.301)	1.648.665.347
10	Tăng hàng tồn kho	(97.194.148.291)	(145.138.603.705)
11	Giảm các khoản phải trả [không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp]	(96.732.430.805)	(142.562.480.373)
12	Giảm chi phí trả trước	56.814.922	874.836.980
14	Tiền lãi vay đã trả	(29.720.916.870)	(14.500.240.504)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(49.328.487.610)	(44.249.318.756)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(339.780.853.187)	(186.652.260.447)
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(44.899.216.727)	(5.713.944.000)
23	Chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(3.461.336.340)	(453.473.860.000)
24	Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	600.000.000	29.350.000.000
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(262.143.272.861)	(202.153.010.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	114.374.172.067	80.916.000.000
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	21.094.465.578	4.493.863.494
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(174.435.188.283)	(546.580.950.506)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho Quý 3 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 09 tháng kết thúc ngày	
		30.09.2025 VND	30.09.2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	415.000.000.000	830.254.742.000
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	847.880.290.781	324.557.022.521
34	Chi trả nợ gốc vay	(614.071.555.700)	(365.339.323.278)
35	Chi trả nợ gốc thuê tài chính	(4.959.005.670)	(2.621.315.061)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	643.849.729.411	786.851.126.182
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	129.633.687.941	53.617.915.229
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	V.1 179.496.085.146	175.967.475.767
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	V.1 309.129.773.087	229.585.390.996

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 10 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

mgl

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

LÊ CÔNG NGHĨA



NGUYỄN TRƯỜNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Cho Quý 3 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2024****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101965 do Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng) cấp lần đầu ngày 24/06/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 37 ngày 11/08/2025.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/09/2025 là:

4.974.330.030.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Km11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

2. Hình thức kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: hoạt động thu phí, thu cước đường bộ, quản lý khai thác, bảo trì, duy tu bảo dưỡng các công trình hầm đường bộ, đường cao tốc, các tuyến quốc lộ và các công trình hạ tầng giao thông khác, đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao, trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, không bao gồm: các loại hình dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép cung ứng theo quy định của pháp luật (Mã ngành: 5225); vận tải hành khách đường bộ khác: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định gồm: chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua các hầm đường bộ, đường cao tốc bằng phương tiện chuyên dùng; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, không bao gồm: các loại hình dịch vụ vận tải hành khách đường bộ khác mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép cung ứng theo quy định của pháp luật (Mã ngành: 4932); vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (Mã ngành: 4933, 5221); bốc xếp hàng hóa (Mã ngành: 5224); xây dựng nhà các loại (Mã ngành: 4101, 4102); xây dựng công trình đường sắt, công trình đường bộ, công trình điện, công trình cấp, thoát nước, công trình viễn thông, thông tin liên lạc, công trình thủy, công trình khai khoáng, công trình chế biến, chế tạo, công trình công ích khác và công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4211, 4212, 4221, 4222, 4223, 4229, 4291, 4292, 4293, 4299); phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành: 4311, 4312); khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và khai khoáng khác (Mã ngành: 0810, 0899);

In ấn và dịch vụ liên quan đến in (Mã ngành: 1811, 1812); sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, đồ gỗ xây dựng, sản phẩm dầu mỏ tinh chế, plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh, vật liệu xây dựng từ đất sét, bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao, sản xuất điện, sản phẩm điện tử dân dụng, các cấu kiện kim loại, các sản phẩm khác bằng kim loại và sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 1104, 1622, 1920, 2013, 2392, 2395, 2511, 2599, 3511, 2640, 3290); gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (Mã ngành: 2592);

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**3. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)**

Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện, các sản phẩm kim loại đúc sẵn và thiết bị khác (Mã ngành: 3311, 3312, 3314, 3319); lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí và hệ thống xây dựng khác (Mã ngành: 3320, 4321, 4322, 4329); hoàn thiện công trình xây dựng và hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Mã ngành: 4330, 4390); bán buôn, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, bán lẻ ô tô con (Mã ngành: 4511, 4512, 4520); bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; kim loại và quặng kim loại, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn bán lẻ chuyên doanh khác (Mã ngành: 4651, 4652, 4659, 4662, 4663, 4669, 4773); dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Mã ngành: 5510); nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành: 5610); hoạt động chiếu phim và viễn thông khác (Mã ngành: 5914, 6190); lập trình, tư vấn, quản trị hệ thống, hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (Mã ngành: 6201, 6202, 6209); cổng thông tin, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Mã ngành: 6311, 6312); kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810); hoạt động kiến trúc, tư vấn quản lý và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Mã ngành: 7020, 7110); kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Mã ngành: 7120);

Quảng cáo (Mã ngành: 7310); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 7490); cho thuê xe có động cơ, máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Mã ngành: 7710, 7730); cung ứng và quản lý nguồn lao động, lao động tạm thời (Mã ngành: 7820, 7830); hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Mã ngành: 7810); dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Mã ngành: 7990); dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn (Mã ngành: 8020); dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (Mã ngành: 8110); vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (Mã ngành: 8129); dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp, photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (Mã ngành: 8211, 8219); hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi (Mã ngành: 8220); tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Mã ngành: 8230); hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8299); đào tạo sơ cấp (Mã ngành: 8531); đào tạo trung cấp (Mã ngành: 8532); đào tạo cao đẳng (Mã ngành: 8533); giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8559); dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Mã ngành: 8560); hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8699); hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Mã ngành: 9000).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B09-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty:****Danh sách các Công ty con**

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			30.09.2025	01.01.2025	30.09.2025	01.01.2025
1	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	278 Thụy Khuê, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	65,04%	65,03%	65,04%	65,03%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	74,24%	73,41%	74,24%	73,41%
3	Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú gia BOT	278 Thụy Khuê, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	99,37%	99,37%	99,37%	99,37%

Danh sách công ty liên doanh, liên kết

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			30.09.2025	01.01.2025	30.09.2025	01.01.2025
1	Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	278 Thụy Khuê, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	47,42%	47,34%	50,00%	50,00%
2	Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Số 320, tổ 11, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam	42,31%	42,31%	40,00%	40,00%
3	Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Thôn Lương Cang, phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	38,00%	38,00%	38,00%	38,00%
4	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Phòng số 311, Tầng 3, Khu văn phòng tòa CT2 Chung cư Ban Cơ, phường Thanh Xuân, TP Hà Nội, Việt Nam	31,60%	31,60%	31,60%	31,60%

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)**

Tóm tắt thông tin hoạt động của các Công ty con và Công ty liên kết:

i. Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106987957 ngày 11/09/2015; thay đổi lần thứ 22 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội) cấp ngày 23/07/2025.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 110/BKHĐT-GCNDKĐTTN cấp ngày 29/03/2016, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 29/03/2016 về việc chấp thuận dự án đầu tư:

- + Dự án Đầu tư xây dựng công trình tuyến cao tốc Bắc Giang – Tp. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM108 + 500 kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.
- + Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

+ Vốn chủ sở hữu:	1.645.470.000.000 VND
+ Vốn vay	10.543.195.000.000 VND
Tổng	12.188.665.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Dự án vẫn tiếp tục hoàn thành và đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng BOT là 11,5%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 22 năm 11 tháng.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 30/09/2025 là: 1.791.041.030.000 VND

ii. Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0104567756 ngày 05/04/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đến nay Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 27 do Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 21/08/2025.

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 47/BKHĐT-GCNDKĐTTN/ĐC1 do Bộ KHĐT chứng nhận ngày 20/06/2017:

- + Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân)

Quyết định số 400/QĐ-BGTVT ngày 04/03/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tài chính Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân);

Quyết định số 397/QĐ-BGTVT ngày 05/04/2024 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân) theo hình thức hợp đồng BOT;

Tổng mức đầu tư dự án theo Phụ lục 13 của Hợp đồng 26/HĐXD-DEOCA với Bộ Giao thông Vận tải ký ngày 06/08/2024 là 18.904 tỷ đồng.

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

+ Vốn tự có:	1.749.864.583.000 VND
+ Vốn khác:	1.438.432.378.000 VND
+ Vốn vay	13.375.708.235.000 VND
+ Vốn Nhà nước hỗ trợ	5.048.002.979.000 VND
Tổng	21.612.008.175.000 VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)****ii. Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả (tiếp theo)**

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Hợp đồng BOT này được nhà nước đảm bảo lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án:

+ Hạng mục Hầm Đèo Cả: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng là 9,15%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 19 năm 8 tháng;

+ Hạng mục Hầm Cù Mông: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng là 9,15%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 19 năm 8 tháng;

+ Hạng mục Hầm Hải Vân 1 và Hầm Hải Vân 2: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng cho cả hai hầm là 11,5%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 19 năm 8 tháng.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 30/09/2025 là:

2.354.036.400.000 VND

iii. Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106205342 ngày 12/06/2013; thay đổi lần thứ 12 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội) cấp ngày 10/07/2025.

Giấy chứng nhận đầu tư số 62/BKHĐT-GCNDTTN ngày 17/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 17/08/2015:

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế;

Phụ lục Hợp đồng BOT số 07/11378/HĐ.BOT-BGTVT ngày 23/04/2021 giữa Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Phước Tượng Phú Gia (Nhà đầu tư) – Công ty cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT về việc Dự án đầu tư xây dựng công trình Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế:

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính: 1.559.231.104.000 VND

+ Vốn chủ sở hữu: 262.000.000.000 VND

+ Vốn vay: 1.297.231.104.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án là 11,5%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 10 năm 1 tháng.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 30/09/2025 là:

296.310.000.000 VND

iv. Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106159826 ngày 22/04/2013. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội) cấp ngày 12/08/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B09-DN

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)****iv. Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa (tiếp theo)**

Giấy chứng nhận đầu tư số 60/BKHĐT-GCNĐTTN ngày 25/09/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

+ Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 & Km1405 - Km1425, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức Hợp đồng BOT.

Quyết định 108/QĐ-BGTVT ngày 13/01/2016 của Bộ Giao thông Vận tải về việc thu phí tại trạm thu phí Ninh An Km1425+200 Quốc lộ 1 để hoàn vốn cho dự án Đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 và Km1405 - Km1425+500, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức hợp đồng BOT:

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính: 2.644.478.000.000 VND

+ Vốn chủ sở hữu: 339.447.800.000 VND

+ Vốn vay: 2.305.030.200.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án là 11,5%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 11 năm 11 tháng.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 30/09/2025 là: 305.000.000.000 VND

v. Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4800935176 ngày 18/12/2023. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 do Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng) cấp ngày 05/09/2025.

+ Dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1);

Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 10/08/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công - tư;

Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 16/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công - tư;

Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 15/09/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công - tư (PPP) (giai đoạn 1);

Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công - tư (PPP) (giai đoạn 1);

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

+ Vốn chủ sở hữu: 844.240.000.000 VND

+ Vốn vay: 3.687.380.000.000 VND

+ Vốn Ngân sách nhà nước: 9.800.000.000.000 VND

Tổng 14.331.620.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Thời gian thi công xây dựng dự kiến theo PATC là từ ngày 19/12/2023 đến ngày 15/12/2026.

Thời gian thu phí dự kiến là 25 năm 03 tháng kể từ ngày dự án đi vào khai thác vận hành.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 30/09/2025 là: 271.263.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B09-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)****vi. Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hảo**

Là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu số 0316685416 ngày 21/01/2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 do Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận) cấp ngày 28/07/2025.

+ Dự án: Đầu tư xây dựng đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông gian đoạn 2017-2020 theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

+ Vốn chủ sở hữu:	1.030.000.000.000 VND
+ Vốn vay:	2.756.200.000.000 VND
+ Vốn ngân sách Nhà nước:	5.139.280.000.000 VND
Tổng	8.925.480.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án là 9,99%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 15 năm 8 tháng.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/09/2025 là: 1.030.000.000.000 VND

vii. Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0108311466 ngày 05/06/2018. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội) cấp ngày 05/08/2025.

+ Dự án Đầu tư xây dựng thành phần 2: Tuyến cao tốc từ cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng (Km1+800-Km44+749,67), tỉnh Lạng Sơn

Tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng được đầu tư xây dựng theo Quyết định số 1833/QĐ-BGTVT ngày 14/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải. UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án tại các quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 và quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018.

Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 05/04/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án tài chính của Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đoạn Km1+800-Km108+500, kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1+800-Km106+500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	8.743.000.000.000 VND
+ Vốn chủ sở hữu:	1.749.000.000.000 VND
+ Vốn vay:	6.994.000.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 30/09/2025 là: 105.000.000.000 VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)****Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí Nghiệp Thi công Xây lắp Công trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí Nghiệp Sản xuất Dịch vụ Thương mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí Nghiệp Quản lý, Vận hành hầm đường bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí Nghiệp Quản lý, Vận hành hầm đường bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, xã Hòa Xuân, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạnh, xã Xuân Lộc, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Km 81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Áp Tân Phong, xã Tân Phú, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Xí Nghiệp Quản lý, Vận hành đường cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Thôn Lương Cang 2, phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Xí Nghiệp Quản lý, Vận hành đường cao tốc Tam Điệp - Diên Châu	Thôn Thọ Lộc, xã Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành đường cao tốc Vũng Áng - Bùn	Thôn Lạc Thắng, xã Kỳ Lạc, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hà Nội	278 Thụy Khuê, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh	32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6. Danh sách các Công ty đầu tư khác**I. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam**

Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng ICV Việt Nam có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0401777280 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/07/2016. Đến nay Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19 do Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 13/06/2025.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/09/2025 là: 829.800.000.000 VND

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 1.456 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.285 nhân viên).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a) Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán;
- + Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b) Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (tiếp theo)****b) Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**a) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác.

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)****Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết (tiếp theo)**

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:

- Đối với dự phòng khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đặc thù (doanh nghiệp BOT): Không trích dự phòng tổn thất đầu tư đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp thực hiện dự án BOT, do hợp đồng BOT đảm bảo cho nhà đầu tư được bảo toàn vốn và lãi trên vốn của Nhà đầu tư tham gia dự án theo thỏa thuận hợp đồng BOT được ký kết giữa nhà đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong suốt thời gian hoạt động của dự án.
- Đối với khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết khác nếu Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

4. Nguyên tắc các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho (tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ"), thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

- Khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình là Phương tiện vận tải và Thiết bị dụng cụ quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao
- Tài sản cố định khác	10 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước (tiếp theo)**

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 12 tháng được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

15. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau:

- *Quỹ đầu tư phát triển* được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.
- *Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu* được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****c) Doanh thu hợp đồng xây lắp**

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

d) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

e) Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

f) Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

17. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**17. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu (tiếp theo)**

- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

18. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

19. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**21. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai cũng như khả năng khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ tính thuế tiếp theo tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

23. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Công cụ tài chính**a) Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**24. Công cụ tài chính (tiếp theo)****a) Tài sản tài chính (tiếp theo)**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b) Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30.09.2025 VND	01.01.2025 VND
Tiền mặt	670.861.534	697.301.577
Tiền gửi ngân hàng	261.040.675.457	128.762.323.668
Các khoản tương đương tiền	47.418.236.096	50.036.459.901
Cộng	309.129.773.087	179.496.085.146

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30.09.2025		01.01.2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	8.293.866.330	8.293.866.330	6.432.529.990	6.432.529.990
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	8.293.866.330	8.293.866.330	6.432.529.990	6.432.529.990
Dài hạn	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Trái phiếu (ii)	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	8.293.866.330	8.293.866.330	8.432.529.990	8.432.529.990

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại Ngân hàng Vietinbank với lãi suất 3,2%/năm và tại Ngân hàng TPbank với lãi suất từ 3,7%/năm;

(ii) Khoản đầu tư bao gồm 200 trái phiếu mệnh giá 10.000.000 VND, kỳ hạn 10 năm (2019 - 2029); lãi suất: Lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm; do Vietinbank phát hành. Trái phiếu này đang được sử dụng để đảm bảo cho các hợp đồng cấp tín dụng tại ngân hàng Vietinbank.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b) Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết**

	30.09.2025			01.01.2025		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	3.206.897.040.000	-	-	3.126.897.040.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả (i)	1.747.617.650.000	-	-	1.674.617.650.000	-	-
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn (ii)	1.164.824.390.000	-	-	1.157.824.390.000	-	-
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	294.455.000.000	-	-	294.455.000.000	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	655.085.200.000	-	-	578.904.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hào	391.400.000.000	-	-	391.400.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	122.000.000.000	-	-	122.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị (iii)	33.180.000.000	-	-	45.504.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (iv)	108.505.200.000	-	-	20.000.000.000	-	-
Cộng	3.861.982.240.000	-	-	3.705.801.040.000	-	-

(i) Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả đã hoàn tất thủ tục góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả với số tiền 73.000.000.000 VND theo phương án đã được Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả thông qua tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐQT ngày 06/03/2025;

(ii) Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả đã hoàn tất thủ tục góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang – Lạng Sơn với số tiền 7.000.000.000 VND theo phương án đã được Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang – Lạng Sơn thông qua tại Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐQT ngày 07/03/2025;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b) Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)**

- (iii) Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị đã hoàn tất thủ tục giảm vốn điều lệ từ 126.000.000.000 VND xuống 105.000.000.000 VND theo Nghị quyết số 06/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/07/2025 về việc giảm vốn điều lệ do hoàn trả một phần vốn góp cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông và sửa đổi điều lệ.
- (iv) Theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐQT ngày 25/04/2025, Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh đã hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 VND lên 271.263.000.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 3 do Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng) cấp ngày 07/05/2025.

Đối với dự phòng khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đặc thù (doanh nghiệp BOT): Công ty không trích dự phòng tổn thất đầu tư đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp thực hiện dự án BOT, do hợp đồng BOT đảm bảo cho nhà đầu tư được bảo toàn vốn và lãi trên vốn của Nhà đầu tư tham gia dự án theo thỏa thuận hợp đồng BOT được ký kết giữa nhà đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

c) Đầu tư vào công ty khác

	30.09.2025			01.01.2025		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	127.500.000.000	-	-	127.500.000.000	-	-
Cộng	127.500.000.000	-	-	127.500.000.000	-	-

Do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B09-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG****a) Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	30.09.2025 VND	01.01.2025 VND
Bên liên quan	881.651.606.873	839.372.201.777
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	410.483.037.422	393.071.983.222
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	210.470.118.733	213.453.819.549
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	147.479.136.554	144.798.132.784
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	26.623.761.054	637.938.182
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	32.968.919.120	33.980.795.120
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	24.534.508.927	30.367.351.127
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	13.857.356.136	13.546.846.197
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	7.352.759.295	6.579.672.295
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	7.402.445.674	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường cao tốc Đèo Cả	479.563.958	2.935.663.301
Bên khác	213.552.010.434	243.710.794.214
Ban Quản lý dự án 2	67.692.634.780	96.874.868.008
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	54.967.146.820	47.114.285.311
Công ty TNHH Đồng Thuận Hà	12.880.620.346	12.880.620.346
Ban quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên Thành phố Đà Nẵng	11.710.634.000	15.744.869.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường 19	5.159.490.529	5.159.490.529
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	5.082.418.376	5.082.418.376
Công ty Cổ phần Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đắk Lắk	3.399.652.533	3.399.652.533
Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh Lâm Đồng	-	2.384.463.000
Đối tượng khác	52.659.413.050	55.070.127.111
Cộng	1.095.203.617.307	1.083.082.995.991

b) Phải thu khách hàng dài hạn

	30.09.2025 VND	01.01.2025 VND
Bên liên quan	3.094.427.531	3.094.427.531
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	3.094.427.531	3.094.427.531
Cộng	3.094.427.531	3.094.427.531

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B09-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN****a) Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30.09.2025 VND	01.01.2025 VND
Bên liên quan	490.930.589	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	490.930.589	-
Bên khác	53.359.482.214	28.574.500.783
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Duy Hải	6.248.113.280	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình Tây An	7.581.804.304	7.581.804.304
Công ty TNHH Tân Tiến	3.681.102.024	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Green Việt Nam	-	-
Đối tượng khác	35.848.462.606	20.992.696.479
Cộng	53.850.412.803	28.574.500.783

b) Trả trước cho người bán dài hạn

	30.09.2025 VND	01.01.2025 VND
Bên khác	209.535.489.167	100.000.000.000
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng Hoàng Long - Công ty Cổ phần	209.535.489.167	100.000.000.000
Cộng	209.535.489.167	100.000.000.000

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30.09.2025 VND	01.01.2025 VND
Bên khác		
Công ty Cổ phần IDC Đông Dương (i)	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA 25 (ii)	4.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	7.000.000.000	6.000.000.000

(i) Khoản cho Công ty Cổ phần IDC Đông Dương vay với lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay 11 tháng kể từ khi được nhận khoản vay đầu tiên.

(ii) Khoản cho Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA 25 vay với lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay 11 tháng kể từ khi được nhận khoản vay đầu tiên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**6. PHẢI THU KHÁC****a) Ngắn hạn**

	30.09.2025		01.01.2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	18.705.602.773	-	12.205.330.180	-
Ký cược, ký quỹ	3.092.441.373	-	1.261.669.373	-
Bên liên quan	100.000.000	-	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	100.000.000	-	100.000.000	-
Bên khác	2.992.441.373	-	1.161.669.373	-
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	1.443.255.000	-	-	-
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	964.969.373	-	687.819.373	-
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	473.850.000	-	473.850.000	-
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng	110.367.000	-	-	-
Phải thu về vốn góp	135.890.000.000	-	144.302.099.206	-
Bên liên quan	135.890.000.000	-	144.302.099.206	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	12.000.000.000	-	73.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng Trà Lĩnh	122.390.000.000	-	64.302.099.206	-
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	1.500.000.000	-	7.000.000.000	-
Các khoản khác	82.906.546.287	873.033.836	43.834.156.862	873.033.836
Bên liên quan	31.861.260.724	-	41.420.198.164	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	6.008.780.880	-	23.875.003.994	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	14.881.361.082	-	14.881.361.082	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm -Vĩnh Hảo	-	-	2.663.833.088	-
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	10.930.909.347	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	40.209.415	-	-	-
Bên khác	51.045.285.563	873.033.836	2.413.958.698	873.033.836
Cục Quản lý đường bộ III	837.818.000	837.818.000	837.818.000	837.818.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	46.017.435.616	-	-	-
Đối tượng khác	4.190.031.947	35.215.836	1.576.140.698	35.215.836
Cộng	240.594.590.433	873.033.836	201.603.255.621	873.033.836

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**6. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)****b) Dài hạn**

	30.09.2025		01.01.2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Hợp tác kinh doanh	612.211.788.023	-	514.088.408.736	-
Bên liên quan	612.211.788.023	-	514.088.408.736	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo (*)	541.111.788.023	-	514.088.408.736	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	71.100.000.000	-	-	-
Cộng	612.211.788.023	-	514.088.408.736	-

(*) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2023/HĐHTKD/BOT CLVH - HHV ngày 20/09/2023 và Phụ lục hợp đồng số 03-01/HĐHTKD/BOT CLVH-HHV ngày 18/06/2024 giá trị khoản hợp tác đầu tư của Công ty cho Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hảo tối đa là 474.000.000.000 VND. Thời hạn hợp tác kinh doanh tối đa theo thời gian thu phí của dự án, tạm tính là 17 năm kể từ ngày dự án bắt đầu thu phí BOT. Công ty được hưởng phân chia lợi nhuận tương đương với tỷ suất lợi nhuận của nguồn vốn huy động khác quy định trong hợp đồng BOT dự án (tạm tính 10,33%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09-DN**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)****7. NỢ XẤU****Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:**

	30.09.2025			01.01.2025		
	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng	11.035.892.482	-	(11.035.892.482)	11.035.892.482	-	(11.035.892.482)
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường 19	5.159.490.529	-	(5.159.490.529)	5.159.490.529	-	(5.159.490.529)
Công ty Quản lý và Sửa chữa Đường bộ Đắc Lắc	3.399.652.533	-	(3.399.652.533)	3.399.652.533	-	(3.399.652.533)
Đối tượng khác	2.476.749.420	-	(2.476.749.420)	2.476.749.420	-	(2.476.749.420)
Trả trước cho người bán	1.301.620.413	-	(1.301.620.413)	1.301.620.413	-	(1.301.620.413)
Công ty Cổ phần Nhà thép Tiền chế Chí Việt	673.571.100	-	(673.571.100)	673.571.100	-	(673.571.100)
Đối tượng khác	628.049.313	-	(628.049.313)	628.049.313	-	(628.049.313)
Phải thu ngắn hạn khác	873.033.836	-	(873.033.836)	873.033.836	-	(873.033.836)
Cục Quản lý Đường bộ III	837.818.000	-	(837.818.000)	837.818.000	-	(837.818.000)
Đối tượng khác	35.215.836	-	(35.215.836)	35.215.836	-	(35.215.836)
Cộng	13.210.546.731	-	(13.210.546.731)	13.210.546.731	-	(13.210.546.731)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**8. HÀNG TỒN KHO**

	30.09.2025		01.01.2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	132.391.642.501	-	42.215.764.593	-
Nguyên liệu, vật liệu	30.057.342.530	-	25.239.694.608	-
Công cụ, dụng cụ	242.976.402	-	209.983.054	-
Thành phẩm	72.781.326	-	28.600.826	-
Hàng hóa	2.144.340.162	-	20.891.549	-
Cộng	164.909.082.921	-	67.714.934.630	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến chi phí của các công trình xây lắp chưa hoàn thành. Tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo, công ty đang thực hiện thi công các công trình có nguồn vốn ngân sách nhà nước. Để đảm bảo tiến độ thi công của các dự án, công ty đã tăng cường các khoản chi phí đầu vào, làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Khoản chi phí này sẽ giảm dần sau khi các công trình được nghiệm thu hoàn thành.

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: Không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: Không có

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30.09.2025 VND	01.01.2025 VND
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	1.080.275.916	756.554.844
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	360.842.651	160.486.712
Các khoản khác	667.756.360	466.035.205
Cộng	2.108.874.927	1.383.076.761

b) Chi phí trả trước dài hạn

	30.09.2025 VND	01.01.2025 VND
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	62.963.984	81.541.865
Các khoản khác	1.597.313.807	2.361.349.014
Cộng	1.660.277.791	2.442.890.879

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	71.152.063.762	78.119.502.543	88.749.141.035	1.006.164.447	239.026.871.787
Số tăng trong kỳ	10.659.477.794	30.165.616.073	12.154.408.593	-	52.979.502.460
Mua trong kỳ	-	30.165.616.073	12.154.408.593	-	42.320.024.666
Đầu tư XDCB hoàn thành	10.659.477.794	-	-	-	10.659.477.794
Số giảm trong kỳ	5.218.100.669	-	-	141.445.455	5.359.546.124
Thanh lý, nhượng bán	5.218.100.669	-	-	141.445.455	5.359.546.124
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025	76.593.440.887	108.285.118.616	100.903.549.628	864.718.992	286.646.828.123
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	17.037.727.753	33.029.246.787	55.237.610.024	719.587.975	106.024.172.539
Số tăng trong kỳ	2.483.993.542	7.143.078.469	5.855.481.308	70.326.540	15.552.879.859
Khấu hao trong kỳ	2.483.993.542	7.143.078.469	5.855.481.308	70.326.540	15.552.879.859
Số giảm trong kỳ	1.965.581.585	-	-	141.445.455	2.107.027.040
Thanh lý, nhượng bán	1.965.581.585	-	-	141.445.455	2.107.027.040
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025	17.556.139.710	40.172.325.256	61.093.091.332	648.469.060	119.470.025.358
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	54.114.336.009	45.090.255.756	33.511.531.011	286.576.472	133.002.699.248
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025	59.037.301.177	68.112.793.360	39.810.458.296	216.249.932	167.176.802.765

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:

51.788.026.645 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

4.942.438.359 VND

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	5.918.181.818	11.796.594.556	17.714.776.374
Số tăng trong kỳ	8.870.370.370	8.865.822.940	17.736.193.310
Thuê trong kỳ	8.870.370.370	8.865.822.940	17.736.193.310
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025	14.788.552.188	20.662.417.496	35.450.969.684
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	1.264.593.861	2.374.921.910	3.639.515.771
Số tăng trong kỳ	802.672.560	1.204.330.542	2.007.003.102
Tăng trong kỳ	802.672.560	1.204.330.542	2.007.003.102
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025	2.067.266.421	3.579.252.452	5.646.518.873
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	4.653.587.957	9.421.672.646	14.075.260.603
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025	12.721.285.767	17.083.165.044	29.804.450.811

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong kỳ: 793.499.980 VND
- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm: Các hợp đồng thuê tài chính
- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: Sau khi kết thúc hợp đồng thuê tài chính, bên thuê có quyền mua lại tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B09-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	376.603.041	100.000.000	476.603.041
<i>Số tăng trong kỳ</i>	-	-	-
Mua trong kỳ	-	-	-
<i>Số giảm trong kỳ</i>	376.603.041	-	376.603.041
Thanh lý, nhượng bán	376.603.041	-	376.603.041
	-		
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025	-	100.000.000	100.000.000
	-		
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	62.802.889	67.916.675	130.719.564
<i>Số tăng trong kỳ</i>	5.685.346	8.250.003	13.935.349
Khấu hao trong kỳ	5.685.346	8.250.003	13.935.349
<i>Số giảm trong kỳ</i>	68.488.235	-	68.488.235
Thanh lý, nhượng bán	68.488.235	-	68.488.235
	-		
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025	-	76.166.678	76.166.678
	-		
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	313.800.152	32.083.325	345.883.477
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025	-	23.833.322	23.833.322
	=		

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 0

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30.09.2025 VND	01.01.2025 VND
Mua sắm tài sản cố định (i)	25.166.623.600	1.731.481.481
Xây dựng cơ bản dở dang	3.326.126.434	9.344.443.482
Cộng	28.492.750.034	11.075.924.963

- (i) Theo hợp đồng mua bán số 0312/2024/HĐMB/HHV-DCG ngày 03/12/2024 được ký với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30.09.2025		01.01.2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan	66.702.447.112	66.702.447.112	38.830.916.619	38.830.916.619
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	35.983.305.513	35.983.305.513	17.850.311.355	17.850.311.355
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	24.763.120.996	24.763.120.996	9.117.243.624	9.117.243.624
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	5.956.020.603	5.956.020.603	11.863.361.640	11.863.361.640
Bên khác	200.092.762.564	200.092.762.564	169.947.844.245	169.947.844.245
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	17.969.950.105	17.969.950.105	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	14.765.018.708	14.765.018.708	41.160.319.411	41.160.319.411
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp	11.485.368.638	11.485.368.638	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh	10.589.570.327	10.589.570.327	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trí Nam	8.151.710.240	8.151.710.240	10.151.710.240	10.151.710.240
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thép Nam Phát	8.076.820.044	8.076.820.044	-	-
Công ty TNHH Đồng Thuận Hà	5.734.690.399	5.734.690.399	5.637.815.046	5.637.815.046
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Bất động sản Á Châu	5.282.078.052	5.282.078.052	-	-
Công ty TNHH Bê tông Hà Nội	4.507.907.629	4.507.907.629	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ Phú Hiền Vinh	3.494.718.280	3.494.718.280	3.494.718.280	3.494.718.280
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Dũng Huy	2.741.908.040	2.741.908.040	-	-
Đối tượng khác	107.293.022.102	107.293.022.102	109.503.281.268	109.503.281.268
Cộng	266.795.209.676	266.795.209.676	208.778.760.864	208.778.760.864



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC****a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30.09.2025 VND	01.01.2025 VND
Bên khác	4.962.890.549	4.719.425.163
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	2.475.005.925	2.475.005.925
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Ngầm	1.495.821.371	1.495.821.371
Trung tâm Quản lý giao thông công cộng thành phố Hồ Chí Minh	337.746.389	-
Đối tượng khác	654.316.864	748.597.867
Cộng	4.962.890.549	4.719.425.163

b) Người mua trả tiền trước dài hạn

	30.09.2025 VND	01.01.2025 VND
Bên liên quan	206.057.064.579	100.000.000.000
Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (i)	206.057.064.579	100.000.000.000
Bên khác	34.599.024.503	132.651.836.038
Ban Quản lý dự án 2 (ii)	34.599.024.503	104.617.867.660
Ban quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên Thành phố Đà Nẵng (iii)	-	28.033.968.378
Cộng	240.656.089.082	232.651.836.038

(i) Khoản tiền tạm ứng của Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh thi công xây dựng đường cao tốc thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (Tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (Tỉnh Cao Bằng).

(ii) Khoản tiền tạm ứng của Ban quản lý dự án 2 thi công dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi – Hoài Nhơn thuộc dự án xây dựng Công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025.

(iii) Khoản tiền tạm ứng của Ban quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên Thành phố Đà Nẵng thi công Dự án đường ven biển nối cảng Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	01.01.2025 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30.09.2025 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	49.315.412.532	38.789.237.674	49.328.487.610	38.776.162.596
Thuế giá trị gia tăng	23.806.184.864	1.097.955.117	28.682.822.579	-
Thuế thu nhập cá nhân	85.587.776	1.125.885.195	970.191.736	241.281.235
Thuế tài nguyên	-	8.453.000	8.453.000	-
Thuế khác	-	68.178.766	68.178.766	-
Cộng	73.207.185.172	41.089.709.752	79.058.133.691	39.017.443.831

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về nộp thuế. Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	30.09.2025 VND	01.01.2025 VND
Tiền lương phải trả	16.796.007.437	22.384.273.646
Cộng	16.796.007.437	22.384.273.646

Tiền lương phải trả người lao động sẽ được chi trả từ ngày 05 đến ngày 10 của tháng kế tiếp theo quy định tại Quy chế tiền lương và các chế độ khác chi trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ Hạ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

B09-DN

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30.09.2025 VND	01.01.2025 VND
Trích trước chi phí gói thầu xây dựng	34.766.621.179	128.618.125.136
Trích trước chi phí lãi vay	548.270.928	307.710.913
Cộng	35.314.892.107	128.925.836.049

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	30.09.2025 VND	01.01.2025 VND
Doanh thu nhận trước	1.100.000.000	1.100.000.000
Cộng	1.100.000.000	1.100.000.000

b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	30.09.2025 VND	01.01.2025 VND
Doanh thu nhận trước	5.775.000.000	6.600.000.000
Khác	38.808.371	49.932.236
Cộng	5.813.808.371	6.649.932.236

20. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	30.09.2025 VND	01.01.2025 VND
Kinh phí công đoàn	614.146.175	1.296.700.424
Tạm ứng	144.023.377	190.839.616
Phải trả về chuyển nhượng cổ phần	495.400.000.000	507.900.000.000
Bên liên quan	495.400.000.000	507.900.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	495.400.000.000	507.900.000.000
Các khoản khác	11.004.223.895	6.696.253.545
Bên liên quan	4.661.742.394	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	4.375.530.681	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	286.211.713	-
Bên khác	6.342.481.501	6.696.253.545
Công ty France Emulsion	1.606.087.366	1.606.087.366
Đối tượng khác	4.736.394.135	5.090.166.179
Cộng	507.162.393.447	516.083.793.585

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Tại ngày 30.09.2025 VND	Phát sinh trong kỳ			Tại ngày 01.01.2025 VND
		Vay dài hạn đến hạn trả (*) VND	Tăng VND	Giảm VND	
Bên khác	432.613.545.465	9.730.392.271	829.582.690.781	616.736.575.136	210.037.037.549
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	197.036.783.990	943.090.287	309.882.981.904	220.222.741.812	106.433.453.611
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long Hà Nội	152.229.402.829	3.330.986.923	209.232.219.055	126.507.430.614	66.173.627.465
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	76.072.271.898	-	310.467.489.822	264.550.087.649	30.154.869.725
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	3.780.000.000	2.835.000.000	-	2.835.000.000	3.780.000.000
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	1.772.608.776	1.329.456.582	-	1.329.456.582	1.772.608.776
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	1.722.477.972	1.291.858.479	-	1.291.858.479	1.722.477.972
Cộng	432.613.545.465	9.730.392.271	829.582.690.781	616.736.575.136	210.037.037.549

Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có**(*) Thông tin về vay dài hạn đến hạn trả:**

Hợp đồng tín dụng	Số dư nợ vay	Ngày đáo hạn	Bên cho vay
Các kế ước nhận nợ trung hạn của HHV	9.730.392.271	Năm 2026	Các ngân hàng và Công ty cho thuê tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Tại ngày 30.09.2025 VND	Phát sinh trong kỳ			Tại ngày 01.01.2025 VND
		Tăng VND	Giảm VND	Vay dài hạn đến hạn trả (*) VND	
Trên 1 năm đến 5 năm	38.750.323.573	18.297.600.000	2.337.690.609	9.730.392.271	32.520.806.453
Bên khác	38.750.323.573	18.297.600.000	2.337.690.609	9.730.392.271	32.520.806.453
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long Hà Nội	7.960.184.379	-	-	3.330.986.923	11.291.171.302
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	7.280.000.000	-	-	2.835.000.000	10.115.000.000
Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Việt Nam	8.227.982.666	10.029.100.000	1.801.117.334	-	-
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	2.919.040.658	-	-	1.291.858.479	4.210.899.137
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	6.297.813.903	4.539.600.000	43.704.375	1.329.456.582	3.131.374.860
Công ty TNHH Một Thành Viên Cho Thuê Tài Chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng	3.236.031.100	3.728.900.000	492.868.900	-	-
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	2.829.270.867	-	-	943.090.287	3.772.361.154
Cộng	38.750.323.573	18.297.600.000	2.337.690.609	9.730.392.271	32.520.806.453

Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****c) Các khoản nợ thuê tài chính đã thanh toán**

	09 tháng đầu năm 2025			09 tháng đầu năm 2024		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Trả tiền lãi thuê VND	Trả nợ gốc VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Trả tiền lãi thuê VND	Trả nợ gốc VND
Trên 1 năm đến 5 năm	5.752.505.650	793.499.980	4.959.005.670	3.340.778.298	719.463.237	2.621.315.061
Bên khác						
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	1.681.115.587	307.954.630	1.373.160.957	1.679.131.034	349.674.452	1.329.456.582
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	1.578.750.309	286.891.830	1.291.858.479	-	-	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Cho Thuê Tài Chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng	548.085.642	55.216.742	492.868.900	-	-	-
Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Việt Nam	1.944.554.112	143.436.778	1.801.117.334	1.661.647.264	369.788.785	1.291.858.479
Cộng	5.752.505.650	793.499.980	4.959.005.670	3.340.778.298	719.463.237	2.621.315.061



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay ngắn hạn:

STT	Bên cho vay	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
1	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	200.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 9 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	- Phương tiện vận tải, cổ phiếu, bất động sản; - Quyền đòi nợ từ các hợp đồng do Vietinbank cấp tín dụng.
2	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	100.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 6 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	- Phương tiện vận tải, cổ phiếu, bất động sản; - Quyền đòi nợ từ các hợp đồng do Vietinbank cấp tín dụng.
3	Ngân hàng TMCP Tiên Phong-CN Thăng Long Hà Nội	800.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 10 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	- Hợp đồng tiền gửi, bất động sản, phương tiện vận tải; - Quyền đòi nợ từ các hợp đồng do ngân hàng TMCP Tiên phong cấp tín dụng; - Bảo Lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả.
4	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	600.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 10 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	- Hợp đồng tiền gửi; - Quyền đòi nợ từ các hợp đồng do ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cấp tín dụng.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn:

STT	Bên cho vay	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
1	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	41.804.000.000	60-72 tháng	8%/năm đến ngày 27/1/2022, sau đó điều chỉnh linh hoạt theo từng khế ước nhận nợ	Tài sản hình thành từ vốn vay
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Nam Hà Nội	18.935.000.000	60 tháng	Theo từng hợp đồng vay	Tài sản hình thành từ vốn vay
3	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	9.312.000.000	60 tháng	8%/năm và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần	Tài sản hình thành từ vốn vay
4	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	15.368.991.049	48 - 60 tháng	10,95%/năm - 10,80%/năm	Ký cược
5	Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST Chi nhánh Đà Nẵng	9.477.000.000	60 tháng	6,3%/năm - 7,2%/năm	Ký cược
6	Công ty TNHH Một Thành Viên Cho Thuê Tài Chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng	3.728.900.000	60 tháng	7,2%-8%/năm	Ký cược
7	Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Việt Nam	9.580.000.000	60 tháng	6,8%/năm	Ký cược

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09-DN**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)****22. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01.01.2024	3.293.503.510.000	(876.900.000)	8.822.456.079	-	404.094.331.188	3.705.543.397.267
Tăng vốn trong kỳ	823.298.180.000	6.956.562.000	-	-	-	830.254.742.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	124.782.644.056	124.782.644.056
Trả thù lao cho HĐQT và BKS	-	-	-	-	(1.431.000.000)	(1.431.000.000)
Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	1.739.172.300	(1.739.172.300)	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	205.753.590.000	-	-	-	(205.753.590.000)	-
Tại ngày 30.09.2024	4.322.555.280.000	6.079.662.000	8.822.456.079	1.739.172.300	319.953.212.944	4.659.149.783.323
Tại ngày 01.01.2025	4.322.555.280.000	6.079.662.000	8.822.456.079	1.739.172.300	392.144.735.679	4.731.341.306.058
Tăng vốn trong kỳ	415.000.000.000	-	-	-	-	415.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	173.234.135.160	173.234.135.160
Trả thù lao cho HĐQT và BKS (1)	-	-	-	-	(1.496.806.452)	(1.496.806.452)
Trích quỹ Đầu tư phát triển (2)	-	-	5.000.000.000	-	(5.000.000.000)	-
Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (3)	-	-	1.739.172.300	(1.739.172.300)	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (3)	236.774.750.000	-	-	-	(236.774.750.000)	-
Tại ngày 30.09.2025	4.974.330.030.000	6.079.662.000	15.561.628.379	-	322.107.314.387	5.318.078.634.766

(1) Theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/05/2025, ĐHĐCĐ đã thông qua việc chi trả thù lao cho HĐQT và BKS.

(2) Theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/05/2025, ĐHĐCĐ đã thông qua việc trích quỹ đầu tư phát triển của Công ty với số tiền là 5.000.000.000 VND.

(3) Theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/05/2025, ĐHĐCĐ đã thông qua việc chuyển toàn bộ quỹ dự trữ vốn điều lệ vào Quỹ đầu tư phát triển của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B09-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30.09.2025 VND	%	01.01.2025 VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (*)	61.184.630.000	1,23%	58.271.080.000	1,35%
Hồ Minh Hoàng	21.234.150.000	0,43%	20.223.000.000	0,47%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	730.218.810.000	14,68%	695.446.490.000	16,09%
Vốn góp của các đối tượng khác	4.161.692.440.000	83,66%	3.548.614.710.000	82,09%
Cộng	4.974.330.030.000	100,00%	4.322.555.280.000	100,00%

(*) Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả trở thành Công ty mẹ của Công ty thông qua quyền sở hữu, quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp tại các Công ty con đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả với tỷ lệ quyền sở hữu và biểu quyết như sau:

	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Quyền sở hữu trực tiếp	1,23%	1,23%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	1,23%	1,23%
Quyền sở hữu và biểu quyết gián tiếp	14,65%	14,68%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	14,65%	14,68%
Cộng	15,88%	15,91%

Hiện tại, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (DCG) đang nắm tỷ lệ quyền biểu quyết là 15,91%, tuy nhiên DCG vẫn là Công ty mẹ do đang nắm quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty thông qua việc nắm đa số thành viên trong Hội đồng quản trị.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ 09 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2025 VND	30.09.2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	4.322.555.280.000	3.293.503.510.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	651.774.750.000	1.029.051.770.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	4.974.330.030.000	4.322.555.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	236.774.750.000	205.753.590.000

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****Cổ phiếu**

	30.09.2025 Cổ phiếu	01.01.2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	497.433.003	432.255.528
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	497.433.003	432.255.528
+ Cổ phiếu phổ thông	497.433.003	432.255.528
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	497.433.003	432.255.528
+ Cổ phiếu phổ thông	497.433.003	432.255.528
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý 3		Kỳ 09 tháng kết thúc ngày	
	2025	2024	30.09.2025	30.09.2024
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	448.535.918.786	398.038.189.259	1.243.322.631.435	1.094.093.185.900
Doanh thu xây lắp	313.603.755.989	274.850.545.401	837.755.626.085	780.955.558.547
Doanh thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường	105.023.571.334	88.761.025.850	312.543.140.990	246.355.184.347
Doanh thu vận hành các trạm thu phí	8.427.350.002	10.931.699.487	25.248.497.227	20.411.098.946
Doanh thu cung cấp dịch vụ trung chuyển	5.547.990.150	5.331.680.555	16.749.934.754	15.839.716.666
Doanh thu khác	15.933.251.311	18.163.237.966	51.025.432.379	30.531.627.394
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Doanh thu thuần	448.535.918.786	398.038.189.259	1.243.322.631.435	1.094.093.185.900
<i>Trong đó doanh thu đối với các bên liên quan</i>	<i>314.293.398.206</i>	<i>190.223.357.600</i>	<i>828.084.872.350</i>	<i>482.880.062.310</i>
Doanh thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường	91.636.632.603	83.012.187.460	276.625.476.178	236.631.077.439
Doanh thu xây lắp	208.055.865.445	95.681.588.499	501.756.787.895	223.472.403.273
Doanh thu vận hành các trạm thu phí	8.427.350.002	10.931.699.487	25.248.497.227	20.411.098.946
Doanh thu khác	6.173.550.156	597.882.154	24.454.111.050	2.365.482.652

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ**B09-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý 3		Kỳ 09 tháng kết thúc ngày	
	2025 VND	2024 VND	30.09.2025 VND	30.09.2024 VND
Giá vốn xây lắp	295.449.783.120	272.407.673.079	796.649.720.758	755.580.139.027
Giá vốn duy tu bảo dưỡng hầm, đường	69.120.268.606	42.491.631.537	179.102.220.794	112.432.223.223
Giá vốn vận hành các trạm thu phí	5.731.942.942	7.945.276.022	16.746.397.448	16.048.483.268
Giá vốn cung cấp dịch vụ trung chuyển	3.342.721.796	4.026.321.650	10.890.655.015	12.080.290.939
Giá vốn khác	11.802.810.169	16.131.442.963	36.789.228.401	22.261.436.410
Cộng	385.447.526.633	343.002.345.251	1.040.178.222.416	918.402.572.867

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 3		Kỳ 09 tháng kết thúc ngày	
	2025 VND	2024 VND	30.09.2025 VND	30.09.2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	505.676.803	1.134.847.253	1.863.138.002	4.493.863.494
Lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	13.731.536.863	-	40.117.844.865	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.930.909.347	12.500.173.003	18.930.909.347	25.518.671.292
Cộng	25.168.123.013	13.635.020.256	60.911.892.214	30.012.534.786

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 3		Kỳ 09 tháng kết thúc ngày	
	2025 VND	2024 VND	30.09.2025 VND	30.09.2024 VND
Lãi tiền vay	7.890.412.540	4.660.098.508	18.873.108.307	13.662.081.592
Cộng	7.890.412.540	4.660.098.508	18.873.108.307	13.662.081.592

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)**5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý 3		Kỳ 09 tháng kết thúc ngày	
	2025	2024	30.09.2025	30.09.2024
	VND	VND	VND	VND
Chi phí nhân công	4.341.477.045	4.772.984.356	14.195.677.193	13.669.528.266
Chi phí dịch vụ mua ngoài	977.423.474	1.394.632.321	4.974.612.780	6.241.252.704
Chi phí khấu hao	671.621.667	536.628.078	1.762.584.451	1.621.769.477
Các khoản chi phí khác	6.639.032.551	2.967.712.835	15.677.961.007	11.611.920.467
Cộng	12.629.554.737	9.671.957.590	36.610.835.431	33.144.470.914

6. THU NHẬP KHÁC

	Quý 3		Kỳ 09 tháng kết thúc ngày	
	2025	2024	30.09.2025	30.09.2024
	VND	VND	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.730.847.469	247.225.115	3.730.847.469	247.225.115
Các khoản khác	11.850.414	3.354.839	106.848.419	8.143.104
Cộng	3.742.697.883	250.579.954	3.837.695.888	255.368.219

7. CHI PHÍ KHÁC

	Quý 3		Kỳ 09 tháng kết thúc ngày	
	2025	2024	30.09.2025	30.09.2024
	VND	VND	VND	VND
Các khoản khác	26.163.642	70.490.536	386.680.549	924.804.819
Cộng	26.163.642	70.490.536	386.680.549	924.804.819

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ**B09-DN**

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)**8. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Quý 3		Kỳ 09 tháng kết thúc ngày	
	2025	2024	30.09.2025	30.09.2024
	VND	VND	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	187.922.409.690	143.458.933.648	577.701.204.398	387.486.546.428
Chi phí nhân công	112.630.013.343	197.561.745.137	329.998.120.988	525.032.767.883
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.074.708.987	11.654.837.307	41.526.554.316	34.338.572.764
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.721.695.068	5.258.470.425	17.573.818.310	15.645.400.160
Chi phí khác bằng tiền	112.964.906.189	24.958.264.359	201.131.310.170	116.705.733.720
Cộng	433.313.733.277	382.892.250.876	1.167.931.008.182	1.079.209.020.955

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý 3		Kỳ 09 tháng kết thúc ngày	
	2025	2024	30.09.2025	30.09.2024
	VND	VND	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	12.129.424.535	10.937.263.672	38.776.162.596	31.888.122.965
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	60.516.000	13.075.078	1.556.391.692
Chi phí thuế TNDN hiện hành	12.129.424.535	10.997.779.672	38.789.237.674	33.444.514.657

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng trong tương lai: Không có
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có.
3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ 09 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2025	30.09.2024
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	847.880.290.781	324.557.022.521

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)**4. Số tiền thực trả gốc trong kỳ**

	Kỳ 09 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2025	30.09.2024
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	614.071.555.700	365.339.323.278
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	4.959.005.670	2.621.315.061
Cộng	619.030.561.370	367.960.638.339

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:****a) Cam kết thuê hoạt động (*)**

Công ty hiện đang thuê văn phòng, thuê phương tiện, thiết bị theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30.09.2025	30.09.2024
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	9.613.215.779	19.302.933.328
Trên 1 năm đến 5 năm	8.028.690.000	25.968.112.200
Trên 5 năm	-	-
Cộng	17.641.905.779	45.271.045.528

b) Cam kết cho thuê hoạt động (*)

Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng, phương tiện, thiết bị theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30.09.2025	30.09.2024
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	24.295.575.285	18.900.672.280
Trên 1 năm đến 5 năm	121.477.876.425	94.530.361.400
Trên 5 năm	-	-
Cộng	145.773.451.710	113.431.033.680

(*) Khoản mục này được trình bày bổ sung thông tin số kỳ trước và kỳ này nhằm cung cấp thêm thông tin trình bày Thuyết minh báo cáo tài chính.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác (tiếp theo):****c) Cam kết vốn**

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (Hợp đồng BOT) số 01/HĐ.BOT-UBND giữa UBND tỉnh Cao Bằng (Cơ quan nhà nước có thẩm quyền) với liên doanh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả - Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng ICV Việt Nam - Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả - Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 568 (Nhà đầu tư) và Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (Doanh nghiệp dự án). Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền cam kết phải góp vốn trong tương lai được trình bày như sau:

	30.09.2025 VND	30.09.2024 VND
Từ 1 năm trở xuống	20.000.000.000	-
Trên 1 năm đến 5 năm	50.381.522.958	209.119.500.000
Trên 5 năm	507.270.477.042	-
Cộng	577.652.000.000	209.119.500.000

d) Cam kết khác

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2023/HĐHTKD/BOT CLVH-HHV ngày 20/09/2023 và các phụ lục liên quan; Theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2024/HĐHTKD/BOT DDTL-HHV ngày 24/12/2024 và các phụ lục liên quan. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền cam kết phải trả về hợp tác kinh doanh trong tương lai được trình bày như sau:

	30.09.2025 VND	30.09.2024 VND
Từ 1 năm trở xuống	226.140.000	226.140.000
Trên 1 năm đến 5 năm	-	-
Trên 5 năm	-	-
Cộng	226.140.000	226.140.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

- 2. Thông tin về các bên liên quan: Xem phụ lục 1**
- 3. Những sự kiện phát sinh sau ngày 30 tháng 09 năm 2025**

Ngày 01/10/2025, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả ban hành Nghị quyết số 46/2025/NQ-HĐQT và Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐQT thông qua nội dung chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2025. Số lượng cổ phiếu dự kiến sau phát hành thêm thành công là 547.176.303 cổ phiếu. Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành thành công là 5.471.763.030.000 đồng

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định ngoài các sự kiện nêu trên, Công ty không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 09 năm 2025 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09-DN

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Thông tin bộ phận**

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị sản phẩm và lĩnh vực kinh doanh do đó báo cáo bộ phận theo các sản phẩm sản xuất và cung cấp dịch vụ như sau:

a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh

	09 tháng đầu năm 2024					
	Vận hành các trạm thu phí VND	Hoạt động xây lắp VND	Dịch vụ trung chuyển VND	Duy tu bảo dưỡng cầu, đường VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	20.411.098.946	780.955.558.547	15.839.716.666	246.355.184.347	30.531.627.394	1.094.093.185.900
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.411.098.946	780.955.558.547	15.839.716.666	246.355.184.347	30.531.627.394	1.094.093.185.900
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	4.362.615.678	25.375.419.520	3.759.425.727	133.922.961.124	8.270.190.984	175.690.613.033
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(33.144.470.914)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						142.546.142.119
Doanh thu hoạt động tài chính						30.012.534.786
Chi phí tài chính						(13.662.081.592)
Thu nhập khác						255.368.219
Chi phí khác						(924.804.819)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(33.444.514.657)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						124.782.644.056
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(5.713.944.000)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn						(15.645.400.160)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09-DN

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

	09 tháng đầu năm 2025					
	Vận hành các trạm thu phí VND	Hoạt động xây lắp VND	Dịch vụ trung chuyển VND	Duy tu bảo dưỡng cầu, đường VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	25.248.497.227	837.755.626.085	16.749.934.754	312.543.140.990	51.025.432.379	1.243.322.631.435
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.248.497.227	837.755.626.085	16.749.934.754	312.543.140.990	51.025.432.379	1.243.322.631.435
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	8.502.099.779	41.105.905.327	5.859.279.739	133.440.920.196	14.236.203.978	203.144.409.019
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(36.610.835.431)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						166.533.573.588
Doanh thu hoạt động tài chính						60.911.892.214
Chi phí tài chính						(18.873.108.307)
Thu nhập khác						3.837.695.888
Chi phí khác						(386.680.549)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(38.789.237.674)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						173.234.135.160
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(44.899.216.727)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn						(17.573.818.310)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09-DN

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)****- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

01.01.2025	Vận hành các trạm thu phí VND	Hoạt động xây lắp VND	Duy tu bảo dưỡng hầm, đường VND	Dịch vụ trung chuyển VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	-	874.106.859.349	403.524.601.918	20.201.754.800	77.609.109.820	1.375.442.325.887
Tài sản không phân bổ						4.799.061.041.741
Tổng tài sản	-	874.106.859.349	403.524.601.918	20.201.754.800	77.609.109.820	6.174.503.367.628
Nợ phải trả bộ phận	-	301.119.294.182	10.933.673.620	-	38.120.986.510	350.173.954.312
Nợ phải trả không phân bổ						1.092.988.107.258
Tổng nợ phải trả	-	301.119.294.182	10.933.673.620	-	38.120.986.510	1.443.162.061.570

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09-DN

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)****- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo):**

30.09.2025	Vận hành các trạm thu phí VND	Hoạt động xây lắp VND	Duy tu bảo dưỡng hầm, đường VND	Dịch vụ trung chuyển VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	-	968.373.201.006	672.520.061.056	7.560.591.111	57.820.352.808	1.706.274.205.981
Tài sản không phân bổ						5.206.866.207.138
Tổng tài sản	-	968.373.201.006	672.520.061.056	7.560.591.111	57.820.352.808	6.913.140.413.119
Nợ phải trả bộ phận	-	254.315.669.347	26.957.826.164	-	36.448.993.944	317.722.489.455
Nợ phải trả không phân bổ						1.277.339.288.898
Tổng nợ phải trả	-	254.315.669.347	26.957.826.164	-	36.448.993.944	1.595.061.778.353

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09-DN

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)****b) Báo cáo thứ yếu theo Khu vực địa lý:**

09 tháng đầu năm 2024	Đà Nẵng VND	Huế VND	Phú Yên Khánh Hòa VND	Bắc Giang Lạng Sơn, Thanh Hóa VND	Đà Lạt, Quảng Ngãi VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	160.690.294.628	20.467.113.467	269.395.021.909	10.498.921.296	633.041.834.600	1.094.093.185.900
Tài sản bộ phận						5.498.304.728.447
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(5.713.944.000)

09 tháng đầu năm 2025	Đà Nẵng VND	Huế VND	Phú yên, Khánh Hòa, Bình Định VND	Bắc Giang Lạng Sơn, Thanh Hóa VND	Đà Lạt, Quảng Ngãi VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	225.817.572.687	23.255.692.593	246.969.047.593	172.002.439.806	575.277.878.756	1.243.322.631.435
Tài sản bộ phận						6.913.140.413.119
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(44.899.216.727)



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09-DN

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính****a) Tài sản tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	30.09.2025		01.01.2025		30.09.2025	01.01.2025
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	309.129.773.087	-	179.496.085.146	-	309.129.773.087	179.496.085.146
Phải thu khách hàng	1.098.298.044.838	(11.035.892.482)	1.086.177.423.522	(11.035.892.482)	1.087.262.152.356	1.075.141.531.040
Trả trước cho người bán	263.385.901.970	(1.301.620.413)	128.574.500.783	(1.301.620.413)	262.084.281.557	127.272.880.370
Các khoản phải thu khác	852.806.378.456	(873.033.836)	715.691.664.357	(873.033.836)	851.933.344.620	714.818.630.521
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.293.866.330	-	6.432.529.990,00	-	8.293.866.330	6.432.529.990
Đầu tư tài chính dài hạn	3.989.482.240.000	-	3.835.301.040.000	-	3.989.482.240.000	3.835.301.040.000
Cộng	6.521.396.204.681	(13.210.546.731)	5.951.673.243.798	(13.210.546.731)	6.508.185.657.950	5.938.462.697.067

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09-DN

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)****b) Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	30.09.2025		01.01.2025		30.09.2025	01.01.2025
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	VND	VND
Phải trả cho người bán	266.795.209.676	-	208.778.760.864	-	266.795.209.676	208.778.760.864
Người mua trả tiền trước	245.618.979.631	-	237.371.261.201	-	245.618.979.631	237.371.261.201
Vay và nợ	471.363.869.038	-	242.557.844.002	-	471.363.869.038	242.557.844.002
Phải trả người lao động	16.796.007.437	-	22.384.273.646	-	16.796.007.437	22.384.273.646
Các khoản phải trả khác	507.162.393.447	-	516.083.793.585	-	507.162.393.447	516.083.793.585
Cộng	1.507.736.459.229	-	1.227.175.933.298	-	1.507.736.459.229	1.227.175.933.298

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)****b) Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)**

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty**a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b) Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

b) Rủi ro thanh toán (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một dự trữ tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 05 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025				
Phải trả cho người bán	266.795.209.676	-	-	266.795.209.676
Người mua trả tiền trước	4.962.890.549	240.656.089.082	-	245.618.979.631
Vay và nợ	432.613.545.465	38.750.323.573	-	471.363.869.038
Chi phí phải trả	35.314.892.107	-	-	35.314.892.107
Các khoản phải trả phải nộp khác	564.075.844.715	313.808.371	5.500.000.000	569.889.653.086
Cộng	1.303.762.382.512	279.720.221.026	5.500.000.000	1.588.982.603.538

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)****c) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối kỳ, Công ty không có số dư gốc ngoại tệ nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá**+ Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)****c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

- Rủi ro về giá (tiếp theo)

+ Rủi ro về giá bất động sản

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

d) Tài sản đảm bảo (*)

- Tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng

Công ty đã sử dụng tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, quyền sử dụng đất, trái phiếu để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	30.09.2025 VND	30.09.2024 VND
Tài sản cố định vô hình	-	313.814.138
Trái phiếu	-	2.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	7.000.000.000	5.000.000.000
Tài sản cố định hữu hình	51.788.026.645	64.638.260.123
Cộng	58.788.026.645	71.952.074.261

Ngoài những tài sản thế chấp nêu trên, các khoản vay từ ngân hàng còn được đảm bảo bằng quyền đòi nợ hình thành trong tương lai và quyền đòi nợ đã hình thành từ các hợp đồng xây lắp, hợp đồng khai thác, quản lý, vận hành và bảo trì các tuyến đường bộ, đường hầm liên quan.

(*) Khoản mục này được trình bày bổ sung thông tin số đầu năm và cuối kỳ nhằm cung cấp thêm thông tin trình bày Thuyết minh báo cáo tài chính.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCs) và Báo cáo tài chính riêng cho Quý 3 kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2024.

Người lập biểu

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

Kế toán trưởng

LÊ CÔNG NGHĨA

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 10 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



NGÔ TRƯỜNG NAM



PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

- **Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:** Không phát sinh

- **Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:** Không có.

- **Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:**

		Kỳ 09 tháng kết thúc ngày	
		30.09.2025	30.09.2024
		VND	VND
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		1.566.000.000	1.566.000.000
Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch HĐQT	270.000.000	270.000.000
Nguyễn Tấn Đông	Phó chủ tịch HĐQT	180.000.000	180.000.000
Nguyễn Hữu Hùng	Phó chủ tịch HĐQT	180.000.000	180.000.000
Võ Thụy Linh	Thành viên HĐQT	135.000.000	135.000.000
Trần Chung	Thành viên HĐQT	135.000.000	135.000.000
Nguyễn Quang Huy	Thành viên HĐQT	135.000.000	135.000.000
Hồ Quang Lợi	Thành viên độc lập HĐQT	135.000.000	135.000.000
Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập HĐQT	135.000.000	135.000.000
Nguyễn Minh Giang	Trưởng Ban kiểm soát	135.000.000	135.000.000
Cam Thị Minh Hải	Kiểm soát viên	63.000.000	63.000.000
Phan Thị Mai	Kiểm soát viên	63.000.000	63.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09-DN

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**2. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:****- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp theo):**

		Kỳ 09 tháng kết thúc ngày	
		30.09.2025	30.09.2024
		VND	VND
Tiền lương		3.003.664.032	2.865.000.000
Nguyễn Quang Huy	Tổng giám đốc	350.000.000	630.000.000
Ngô Trường Nam	Tổng giám đốc	455.000.000	-
Trần Văn Chí	Phó Tổng giám đốc	495.000.000	495.000.000
Võ Ngọc Trung	Phó Tổng giám đốc	360.000.000	360.000.000
Lê Châu Thắng	Phó Tổng giám đốc	342.000.000	330.000.000
Trần Văn Dũng	Phó Tổng giám đốc	387.000.000	375.000.000
Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng giám đốc	252.272.727	315.000.000
Nguyễn Văn Ân	Phó Tổng giám đốc	215.652.174	360.000.000
Lê Công Nghĩa	Kế toán trưởng	146.739.131	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09-DN

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**3. Giao dịch với các bên liên quan khác:****Danh sách các bên liên quan**

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo
Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh

Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị
Hồ Minh Hoàng
Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam

Công ty Cổ phần Đầu tư VINALOG

Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả

Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận

Công ty Cổ phần Đèo Cả Capital
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư xây dựng Cầu đường
Sài Gòn - Phú Yên
Công ty Cổ phần Cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc

Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường Cao tốc
Đèo Cả

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, TGD kiêm người đại diện theo pháp luật Ngô Trường Nam, Trưởng Ban Kiểm soát Nguyễn Minh Giang, Kiểm soát viên Phan Thị Mai
Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông
Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy
Công ty liên kết
Chủ tịch HĐQT.
Công ty con của Công ty mẹ
Cổ đông lớn, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh
Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chủng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGD Nguyễn Văn Ân
Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy (đến ngày 12/08/2025)
Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Trưởng Ban Kiểm soát Nguyễn Minh Giang
Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh
Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng
Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Trưởng Ban Kiểm soát Nguyễn Minh Giang
Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng
Công ty có liên quan của Trưởng Ban Kiểm soát Nguyễn Minh Giang (đến ngày 22/09/2025)
Công ty có liên quan của PTGD Lê Châu Thắng; Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy; Phó TGD Trần Văn Chí; Phó TGD Nguyễn Quỳnh Mai; Phó TGD Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị kiêm Thư ký công ty Trần Tấn Huy.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09-DN

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)****Tóm tắt hoạt động của các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ:****Công ty con**

<i>Tên Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	65,04%	65,04%	105.851.252.661	326.111.267.961
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	74,24%	74,24%	132.313.705.724	(12.165.837.198)
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,37%	99,37%	27.336.522.141	27.336.522.141

Công ty liên doanh, liên kết

<i>Tên Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,42%	50,00%	48.461.985.930	538.086.924.969
Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	42,31%	40,00%		
Công ty Cổ phần cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hào	38,00%	38,00%	129.338.942.544	178.087.438.692
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	31,60%	31,60%	(1.037.572.592)	(2.459.067.472)

Tóm tắt hoạt động của khoản đầu tư vào các công ty khác trong kỳ:**Đầu tư vào Công ty khác**

<i>Tên Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	15.37%	15.37%	248.866.047.600	416.399.246.701

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 09 tháng kết thúc ngày	
			30.09.2025 VND	30.09.2024 VND
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	11.116.551.852	10.498.921.296
		Góp vốn	7.000.000.000	33.509.340.000
		Đặt cọc góp vốn	1.500.000.000	7.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	220.590.072.781	203.660.475.185
		Góp vốn	73.000.000.000	108.243.670.000
		Đặt cọc góp vốn	12.000.000.000	32.000.000.000
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	23.255.692.593	18.663.003.973
		Nhận cổ tức	10.930.909.347	-
		Góp vốn	-	22.124.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGĐ Nguyễn Văn Ân	Bán hàng hóa, dịch vụ	57.924.179.512	383.127.948
		Mua hàng hóa, dịch vụ	61.983.825.400	63.667.821.490
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, TGĐ kiêm người đại diện theo pháp luật Ngô Trường Nam, Trưởng Ban Kiểm soát Nguyễn Minh Giang, Kiểm soát viên Phan Thị Mai	Bán hàng hóa, dịch vụ	2.547.483.333	1.765.883.333
		Nhận cổ tức	8.000.000.000	-

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 09 tháng kết thúc ngày	
			30.09.2025 VND	30.09.2024 VND
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Bán hàng hóa, dịch vụ	420.698.289.630	137.408.541.901
		Mua hàng hóa, dịch vụ	95.945.286.950	73.420.140.795
		Nhận chuyển nhượng cổ phần	-	114.000.000.000
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Công ty liên kết	Thu lại tiền góp vốn	5.688.000.000	10.116.000.000
Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Trưởng Ban Kiểm soát Nguyễn Minh Giang	Mua hàng hóa, dịch vụ	24.687.986.428	21.125.239.830
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh	Bán hàng hóa, dịch vụ	8.747.880.254	5.459.860.757

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 09 tháng kết thúc ngày	
			30.09.2025 VND	30.09.2024 VND
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty có liên quan của PTGD Lê Châu Thắng; Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy; Phó TGD Trần Văn Chí; Phó TGD Nguyễn Quỳnh Mai; Phó TGD Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị kiêm Thư ký công ty Trần Tấn Huy.	Bán hàng hóa, dịch vụ	695.313.427	1.006.363.629
		Mua hàng hóa, dịch vụ	8.804.693.900	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hào	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Bán hàng hóa, dịch vụ	35.616.292.592	104.033.884.288
		Chi tiền hợp tác kinh doanh	-	413.773.860.000
		Thanh toán lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	13.094.465.578	-
		Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	40.117.844.865	25.518.671.292
Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Bán hàng hóa, dịch vụ	46.893.116.376	-
		Góp vốn	88.505.200.000	7.500.000.000
		Đặt cọc góp vốn	248.643.272.861	-
		Hoàn trả tiền đặt cọc	102.050.172.067	-
		Chi tiền hợp tác kinh doanh	71.100.000.000	-

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**3. Công nợ với các bên liên quan khác**

Trong kỳ, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.09.2025 VND	01.01.2025 VND
PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN			883.113.394.619	839.372.201.777
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con	Duy tu bảo dưỡng hầm, đường	6.958.174.277	12.791.016.477
		Vận hành các trạm thu phí	12.877.398.430	13.789.448.150
		Thi công xây lắp	4.698.936.220	3.786.886.500
		Cộng	24.534.508.927	30.367.351.127
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Duy tu bảo dưỡng hầm, đường	285.606.134.551	256.758.677.551
		Vận hành các trạm thu phí	30.599.177.205	26.198.681.605
		Thi công xây lắp	93.302.649.396	109.149.547.796
		Dịch vụ khác	975.076.270	965.076.270
		Cộng	410.483.037.422	393.071.983.222
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con	Vận hành các trạm thu phí	1.312.159.760	669.992.760
		Thi công xây lắp	1.560.650.630	1.560.650.630
		Duy tu bảo dưỡng hầm, đường	30.096.108.730	31.750.151.730
		Cộng	32.968.919.120	33.980.795.120

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09-DN**PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.09.2025 VND	01.01.2025 VND
PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGÂN HẠN (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGĐ Nguyễn Văn Ân	Thi công xây lắp	24.542.141.054	-
		Dịch vụ khác	2.081.620.000	637.938.182
		Cộng	26.623.761.054	637.938.182
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Thi công xây lắp	210.470.118.733	213.453.819.549
		Cộng	210.470.118.733	213.453.819.549
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết, công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, TGĐ kiêm người đại diện theo pháp luật Ngô Trường Nam, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang, Kiểm soát viên Phan Thị Mai	Duy tu bảo dưỡng hầm, đường	2.310.501.900	1.537.414.900
		Trung tu hầm, đường	1.150.582.495	1.150.582.495
		Thi công xây lắp	244.609.500	244.609.500
		Vận hành các trạm thu phí	3.647.065.400	3.647.065.400
		Cộng	7.352.759.295	6.579.672.295
Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Thi công xây lắp	7.402.445.674	-
		Cộng	7.402.445.674	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09-DN

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.09.2025 VND	01.01.2025 VND
PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường Cao tốc Đèo Cà	Công ty có liên quan của PTGD Lê Châu Thắng; Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy; Phó TGĐ Trần Văn Chí; Phó TGĐ Nguyễn Quỳnh Mai; Phó TGĐ Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị kiêm Thư ký công ty Trần Tấn Huy.	Thuê xe Cộng	479.563.958 479.563.958	2.935.663.301 2.935.663.301
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh	Thuê xe Duy tu bảo dưỡng hầm, đường Cộng	388.363.635 13.468.992.501 13.857.356.136	388.363.635 13.158.482.562 13.546.846.197
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Thi công xây lắp Duy tu bảo dưỡng hầm, đường Thuê xe Cộng	127.567.935.784 19.573.700.770 337.500.000 147.479.136.554	144.798.132.784 - - 144.798.132.784
TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN			490.930.589	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường Cao tốc Đèo Cà	Công ty có liên quan của PTGD Lê Châu Thắng; Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy; Phó TGĐ Trần Văn Chí; Phó TGĐ Nguyễn Quỳnh Mai; Phó TGĐ Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị kiêm Thư ký công ty Trần Tấn Huy.	Trả trước cho người bán ngắn hạn Cộng	490.930.589 490.930.589	- -



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09-DN**PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.09.2025 VND	01.01.2025 VND
PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC			156.920.351.377	185.822.297.370
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con	Đặt cọc góp vốn Cộng	1.500.000.000 1.500.000.000	7.000.000.000 7.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cà	Công ty con	Bảo hành các công trình xây lắp Đặt cọc góp vốn Cộng	14.881.361.082 12.000.000.000 26.881.361.082	14.881.361.082 73.000.000.000 87.881.361.082
Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Đặt cọc góp vốn Cộng	122.390.000.000 122.390.000.000	64.302.099.206 64.302.099.206
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cà	Công ty mẹ	Đặt cọc tiền vé máy bay Phải thu khác Cộng	100.000.000 6.008.780.880 6.108.780.880	100.000.000 23.875.003.994 23.975.003.994
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGĐ Nguyễn Văn Ân	Phải thu khác Cộng	40.209.415 40.209.415	- -
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hào	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Phải thu khác Cộng	- -	2.663.833.088 2.663.833.088

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09-DN

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.09.2025 VND	01.01.2025 VND
PHẢI THU KHÁCH HÀNG DÀI HẠN			3.094.427.531	3.094.427.531
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Công ty con	Phải thu thi công xây lắp Cộng	3.094.427.531 3.094.427.531	3.094.427.531 3.094.427.531
PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC			541.111.788.023	514.088.408.736
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Hợp tác kinh doanh Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh Cộng	473.773.860.000 67.337.928.023 541.111.788.023	473.773.860.000 40.314.548.736 514.088.408.736
PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN			66.702.447.112	38.830.916.619
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGD Nguyễn Văn Ân	Mua vật tư Cộng	35.983.305.513 35.983.305.513	17.850.311.355 17.850.311.355
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Tiền vé máy bay Cung cấp công nghệ thông tin Mua vật tư, thuê thiết bị Phải trả khác Cộng	211.834.533 386.283.000 24.059.703.463 105.300.000 24.763.120.996	261.543.038 586.624.500 8.269.076.086 - 9.117.243.624

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ

Địa chỉ: Km 11+500 Tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B09-DN

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong kỳ, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	30.09.2025 VND	01.01.2025 VND
PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cầ	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Trưởng Ban Kiểm soát Nguyễn Minh Giang	Cung cấp dịch vụ Cộng	5.956.020.603 5.956.020.603	11.863.361.640 11.863.361.640
ỨNG TRƯỚC TỪ KHÁCH HÀNG DÀI HẠN			206.057.064.579	100.000.000.000
Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Ứng trước từ khách hàng dài hạn Cộng	206.057.064.579 206.057.064.579	100.000.000.000 100.000.000.000
PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC			500.061.742.394	507.900.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chũng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGD Nguyễn Văn Ân	Cung cấp vật tư Cộng	286.211.713 286.211.713	- -
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cầ	Công ty mẹ	Nhận chuyển nhượng cổ phần Phải trả ngắn hạn khác Cộng	495.400.000.000 4.375.530.681 499.775.530.681	507.900.000.000 - 507.900.000.000

Ghi chú: Các giao dịch với bên liên quan đã thực hiện đúng theo quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và quy định pháp lý có liên quan.